

Số: *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025*

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách đặc thù đối với  
huấn luyện viên, vận động viên thể thao Thành phố Hồ Chí Minh**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện khoản 16 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Dương thành thành phố mới có tên gọi là Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước thời điểm sáp nhập, mỗi địa phương đều ban hành các nghị quyết riêng về chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên và vận động viên thể thao. Sau sáp nhập, trên địa bàn Thành phố mới hiện nay đang tồn tại ba hệ thống chính sách song song, với nhiều điểm khác biệt về mức hỗ trợ, chế độ ưu đãi và phạm vi áp dụng. Cụ thể gồm các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Ban hành quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

- Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về Ban hành quy định chế độ đối với

huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về Quy định mức chi tiền thưởng tại các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Qua rà soát và phân tích, các chính sách nêu trên có những ưu điểm nhất định, song cũng bộc lộ nhiều hạn chế, cụ thể: chính sách của Thành phố Hồ Chí Minh có định mức cao và toàn diện, chính sách của tỉnh Bình Dương cân đối hơn nhưng có một số hỗ trợ đặc thù, trong khi chính sách của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bao quát nhiều nội dung song mức định lượng thấp. Sự khác biệt này dẫn đến tình trạng thiếu công bằng trong thụ hưởng, tạo tâm lý so bì, bất an, ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ, gây khó khăn trong công tác quản lý, huấn luyện và phân bổ lực lượng, tác động trực tiếp đến kế hoạch chuẩn bị cho Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc năm 2026 cũng như chiến lược phát triển thể thao trong giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định: *“Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”*. Chính vì thế hiện nay ở 3 khu vực vẫn duy trì việc thực hiện các chính sách riêng cho từng khu vực. Với chính sách quy định không đồng bộ, khác biệt, nơi có nơi không, nơi cao nơi thấp trong cùng một đơn vị hành chính sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực cho ngành Thể dục thể thao.

Từ những bất cập nêu trên, có thể khẳng định việc ban hành một nghị quyết thống nhất của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mới là yêu cầu cấp thiết và cấp bách, nhằm ổn định hệ thống chính sách, bảo đảm tính công bằng, đồng bộ, tạo động lực cho lực lượng huấn luyện viên, vận động viên và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thể dục thể thao.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

Việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tạo cơ sở và động lực cho sự phát triển thể thao, tiếp tục duy trì, giữ vững vị thế là một trong những đơn vị có phong trào thể dục, thể thao mạnh nhất cả nước. Nghị quyết được ban hành sẽ góp phần chăm lo, bảo đảm chế độ đãi ngộ, thu hút và giữ chân lực lượng huấn luyện viên, vận động viên tài năng phục vụ cho thể thao thành tích cao của Thành phố; khắc phục tình trạng chênh lệch chính sách giữa các khu vực sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; bảo đảm công bằng, đoàn kết, ổn định tâm lý và tạo động lực cống hiến cho đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên. Đồng thời, việc ban hành Nghị quyết sẽ hình thành nền tảng pháp lý đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, công tác đào tạo, huấn luyện và chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc năm 2026 cũng như các giai đoạn phát triển tiếp theo.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Hình thành một hệ thống chế độ chính sách đặc thù thống nhất, đảm bảo tính ổn định, phù hợp với hệ thống đào tạo vận động viên Thành phố sau sáp nhập phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và đáp ứng nhu cầu thực tiễn về phát triển ngành Thể dục thể thao của Thành phố.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Chính sách 1: Chế độ dinh dưỡng**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập**

Sau quá trình rà soát mức chi chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập trung tập trung tập huấn và thi đấu, tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang tồn tại 3 mức chi khác nhau ở cả 3 khu vực đối với đội tuyển năng khiếu Thành phố, đội tuyển thể thao người khuyết tật Thành phố, đội tuyển cấp huyện (Phụ lục 1). Riêng đội tuyển Thành phố và đội trẻ Thành phố thì thực hiện theo mức chi được quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC.

Sau khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội, Thành phố Hồ

Chí Minh không còn đơn vị hành chính cấp quận, huyện. Hiện nay chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập đội tuyển cấp xã, cũng như các định mức có liên quan đến đội tuyển cấp xã sau khi thực hiện việc sắp xếp chính quyền còn 2 cấp như hiện nay. Bên cạnh đó tất cả các nghị quyết của 3 khu vực đều không quy định mức chi chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập trung tập trung huấn và thi đấu cho đội tuyển cấp xã.

## 1.2. Mục tiêu giải quyết

Tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 86/2020/TT-BTC quy định: “*Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở tham khảo các mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chế độ dinh dưỡng đặc thù cho các đối tượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác đang tập trung tập huấn, thi đấu của địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành*”. (Liên quan đến huấn luyện viên, vận động viên Đội tuyển năng khiếu Thành phố, Đội tuyển thể thao người khuyết tật Thành phố, Đội tuyển cấp xã).

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố điều chỉnh, ban hành chế độ dinh dưỡng đặc thù mới, bãi bỏ những quy định có liên quan tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố, Nghị quyết 29/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết 118/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhằm đảm bảo chế độ chính sách kịp thời và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 86/2020/TT-BTC đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đối tượng khác.

## 1.3. Giải pháp đề xuất:

Mặc dù chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập đội tuyển cấp xã, cũng như các định mức có liên quan đến đội tuyển cấp xã sau khi thực hiện việc sắp xếp chính quyền còn 2 cấp như hiện nay. Tuy nhiên căn cứ vào tình hình thực tế được quy định cụ thể trong Hướng dẫn số 4195/BVHTTDL-TDTTVN ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp sau sáp nhập thì việc quy định định mức cho đội tuyển cấp xã tham dự các giải do Thành phố tổ chức là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Cụ thể Hướng dẫn quy định như sau: “Việc lựa chọn đơn vị đầu mối tham dự Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh do địa phương quyết định: Có thể là các xã, phường, đặc khu và một số sở, ngành của tỉnh/thành hoặc có thể thành lập các cụm xã, phường, đặc khu từ 3 đơn vị cấp xã trở lên, trong đó có đơn vị cấp xã hiện được giao quản lý, sử dụng cơ sở vật chất thuộc Trung tâm Văn hoá, Thông tin, Thể thao cấp huyện cũ; trong cụm xã, phường, đặc khu có thể tổ chức thi đấu một số môn thể thao để tuyển chọn VĐV, đội tuyển thể thao hoặc căn cứ thành tích của VĐV, đội tuyển thể thao thuộc các xã, phường, đặc khu trong cụm để tuyển

chọn VĐV, đội tuyển thể thao hay có thể cử một đơn vị cấp xã trong cụm đại diện cho cụm tham dự Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh”.

Chính vì thế đề xuất áp dụng mức chi đã ban hành cho đội tuyển cấp quận, huyện trước đây cho đội tuyển cấp phường, xã, đặc khu hiện nay vì thực tiễn hiện nay không còn chính quyền cấp quận, huyện. Chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp quận, huyện đã được chuyển giao cho cấp xã, phường, đặc khu. Bên cạnh đó chế độ chi cho đội tuyển quận, huyện trước đây áp dụng cho đội tuyển cấp xã, phường, đặc khu hiện nay là phù hợp với quy mô và tính chất của đội khi tham dự các giải thể thao cấp Thành phố.

Đề xuất chọn lựa những mức chi chế độ dinh dưỡng cho huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập trung tập trung tập huấn và thi đấu cao nhất của 3 khu vực cho Nghị quyết mới. Cụ thể như sau:

1. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn

a) Tập huấn ở trong nước: là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt tập trung tập huấn theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền, mức chi cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Đội tuyển</b>	<b>Mức chi</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đội tuyển năng khiếu Thành phố	150.000	Áp dụng Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND
2	Đội tuyển thể thao Người khuyết tật Thành phố	240.000	Áp dụng Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND
3	Đội tuyển cấp xã	200.000	Áp dụng Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND

b) Tập huấn ở nước ngoài: huấn luyện viên, vận động viên khi tập trung tập huấn ở nước ngoài được hưởng chế độ bữa ăn hàng ngày theo thư mời hoặc hợp đồng ký kết giữa cơ quan quản lý vận động viên ở trong nước với cơ sở đào tạo ở nước ngoài. Trong thời gian tập huấn ở nước ngoài, huấn luyện viên, vận động viên không được hưởng chế độ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/ngày*

<b>TT</b>	<b>Đội tuyển</b>	<b>Mức chi</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Đội tuyển năng khiếu Thành phố	240.000	Áp dụng Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND
2	Đội tuyển thể thao Người khuyết tật Thành phố	320.000	Áp dụng Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND
3	Đội tuyển cấp xã	240.000	Áp dụng Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND

3. Trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải Đại hội Thể thao khu vực, châu lục, thế giới và các giải thể thao quốc tế khác, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải (không được hưởng mức ăn hàng ngày theo khoản 2 Điều này). Riêng trường hợp huấn luyện viên, vận động viên thể thao người khuyết tật khi tham dự Paralympic Games sẽ được hưởng chế độ tiền dinh dưỡng đặc thù theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC và các chế độ hiện hành.

4. Trường hợp các giải thi đấu khác do các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia đăng cai tổ chức, trong thời gian tập trung thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng mức chi chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải. Kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng do đơn vị cử huấn luyện viên, vận động viên dự giải và các nguồn tài trợ bảo đảm.

5. Giao Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao bảo đảm chế độ thực phẩm chức năng cho vận động viên đội tuyển năng khiếu Thành phố trong dự toán chi thường xuyên - kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao được giao hàng năm của đơn vị.

6. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu do ngân sách cấp xã bảo đảm thực hiện.

#### **1.4. Đánh giá tác động:**

Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) có 50 môn/phân môn thể thao với tổng chỉ tiêu đào tạo là 2.850 người, trong đó đội tuyển gồm 261 HLV, 789 VĐV; đội trẻ gồm 184 HLV, 1016 VĐV; và năng khiếu có 119 HLV, 481 VĐV. Bên cạnh đó, có hơn 12 môn đầu tư theo phương thức xã hội hóa với lực lượng hơn 1.000 VĐV, gồm: Cricket, Hockey, Kendo, Lân sư rồng, Leo núi trong nhà, Petanque, Thể thao điện tử (e-sports), Dù lượn, Vật, Kéo co, Đẩy gậy và hơn 20 môn thể thao dành cho người khuyết tật.

Bình Dương đào tạo 27 môn thể thao với tổng số 954 người, trong đó đội tuyển gồm 45 HLV, 327 VĐV; đội trẻ gồm 37 HLV, 206 VĐV; và năng khiếu

có 57 HLV, 282 VĐV. Bình Dương không đào tạo các môn thể thao cho lực lượng người khuyết tật.

Bà Rịa – Vũng Tàu đào tạo 28 môn thể thao với tổng số 834 người, trong đó đội tuyển gồm 41 HLV, 267 VĐV; đội trẻ gồm 39 HLV, 259 VĐV; và năng 1 khiếu có 30 HLV, 198 VĐV. Bà Rịa – Vũng Tàu cũng không đào tạo các môn thể thao cho VĐV khuyết tật.

Dự kiến Thành phố sẽ hợp nhất lực lượng huấn luyện viên, vận động viên của cả 3 khu vực vào cuối năm 2025. Với việc nhập nguyên trạng 3 hệ thống đào tạo của 3 khu vực thì hệ thống đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh mới sẽ có tổng cộng 52 môn và phân môn thể thao với 4368 người, trong đó đội tuyển là 1730 người, đội trẻ là 1741 người và năng khiếu là 1167 người, tăng 63% so với lực lượng TP. Hồ Chí Minh.

Theo mức chi cũ thì ước thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp Thành phố trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu của 3 khu vực năm 2025 là 294 tỷ (Thành phố Hồ Chí Minh dự kiến chi 214 tỷ, Bà Rịa – Vũng Tàu dự kiến chi 32 tỷ, Bình Dương dự kiến chi 48 tỷ). Nếu theo mức chi đề xuất theo dự thảo Nghị quyết thì tổng dự toán năm 2026 cho chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển cấp Thành phố trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu là 350 tỷ, **tăng 56 tỷ đồng/năm**.

Tuy nhiên theo Đề án phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035 và chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở Văn hóa và Thể thao TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025 – 2030 thì chỉ tiêu đào tạo của thể thao Thành phố sẽ còn khoảng 3.560 (giảm từ 20 – 25%) nhân sự (HLV và VĐV). Hiện nay ngành Thể dục thể thao Thành phố đang nghiên cứu xây dựng kế hoạch nhằm sắp xếp lại hệ thống đào tạo theo chỉ tiêu của Đề án phát triển ngành Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2035 và chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Sở Văn hóa và Thể thao TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2025 – 2030.

## **2. Chính sách 2: Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên**

### **2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên là chế độ đặc thù của ngành Thể dục thể thao Thành phố, đã được ban hành tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên mức chi của 2 khu vực là khác nhau (Phụ lục 2).

### **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn mức chi cao nhất giữa Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng

nhân dân Thành phố và Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương.

### 2.3. Đề xuất giải pháp

Áp dụng mức chi chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên được quy định tại Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, cụ thể:

1. Đối tượng áp dụng: huấn luyện viên, vận động viên thể thao được triệu tập để tập huấn các đội tuyển quốc gia theo Quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền (Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Liên đoàn thể thao quốc gia từng môn).

#### 2. Thời gian hưởng chế độ

a) Số ngày trong tháng được triệu tập không quá 15 ngày: thời gian hưởng chế độ là 1/2 (một nửa) tháng.

b) Số ngày trong tháng được triệu tập trên 15 ngày: thời gian hưởng chế độ là 01 (một) tháng.

#### 3. Mức chi

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
1	Tập huấn đội tuyển quốc gia	9.000.000	Áp dụng Nghị Quyết số 29/2024/NQ-HĐND
2	Tập huấn đội tuyển trẻ quốc gia	7.000.000	Áp dụng Nghị Quyết số 29/2024/NQ-HĐND

### 2.4. Đánh giá tác động

Với mức chi cho chế độ này tăng, dự kiến dự toán chi ngân sách Thành phố tăng khoảng 17% so với hiện nay trong trường hợp Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết điều chỉnh tăng chế độ đặc thù trên.

## 3. Chính sách 3: Chế độ trợ cấp đẳng cấp

### 3.1. Xác định vấn đề bất cập

Chế độ trợ cấp đẳng cấp là chế độ đặc thù của ngành Thể dục thể thao Thành phố, đã được ban hành tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương, áp dụng cho vận động viên thể thao được phong đẳng cấp theo Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao

quốc gia, Quyết định 1440/QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thể dục thể thao, Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thể dục thể thao Việt Nam. Đối với huấn luyện viên áp dụng khung tiêu chuẩn cấp bậc huấn luyện viên thể thao theo Quyết định số 51/QĐ-SVHTTDL tỉnh Bình Dương ngày 19 tháng 04 năm 2010.

Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương, mỗi khu vực đều có hệ thống phong đẳng cấp riêng theo thứ tự từ cao đến thấp và không giống nhau. Hệ thống phân đẳng cấp của Thành phố Hồ Chí Minh nổi trội ở việc có sự phân định rõ đẳng cấp của vận động viên. Cụ thể trong cùng một giải, vận động viên đạt huy chương vàng sẽ có đẳng cấp cao hơn vận động viên đạt huy chương bạc, huy chương đồng hoặc không có huy chương (hệ thống của Bình Dương không có nội dung này). Tuy nhiên mức chi của Bình Dương lại cao hơn trong cùng một đẳng cấp, ví dụ Kịch tướng có huy chương quốc tế, Bình Dương chi 9.360.000đ trong khi đó Thành phố Hồ Chí Minh chi 3.300.000đ (Phụ lục 3).

Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu không quy định chế độ trợ cấp đẳng cấp cho huấn luyện viên trong khi Bình Dương có quy định. Tuy nhiên nếu áp dụng khung tiêu chuẩn cấp bậc huấn luyện viên thể thao theo Quyết định số 51/QĐ-SVHTTDL tỉnh Bình Dương ngày 19 tháng 04 năm 2010 sẽ không phù hợp với hệ thống đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh (do tiêu chí không còn phù hợp với tình hình mới).

### **3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.**

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống đẳng cấp có sự phân định rõ đẳng cấp của vận động viên tương xứng với kết quả thi đấu mà vận động viên đạt được đồng thời bổ sung những mức chi mà hệ thống được lựa chọn không có mà không làm ảnh hưởng đến tính hợp lý và ổn định của hệ thống; thực hiện chế độ trợ cấp đẳng cấp cho huấn luyện viên tuy nhiên giao Sở Văn hóa và Thể thao nghiên cứu ban hành khung tiêu chuẩn cấp bậc huấn luyện viên thể thao, thực hiện phong cấp và áp dụng chế độ theo quy định cho phù hợp với tình hình mới.

### **3.3. Giải pháp đề xuất**

Áp dụng hệ thống mức chi chế độ trợ cấp đẳng cấp của Thành phố Hồ Chí Minh đã được quy định tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 41/2024/NQ-HĐND đồng thời bổ sung một số mức chi tốt hơn của Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

## 1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Vận động viên thể thao được phong đẳng cấp theo Quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thể dục thể thao đối với hội thể thao quốc gia, Quyết định 1440/QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thể dục thể thao, Nghị định 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thể dục thể thao Việt Nam.

- Trường hợp vận động viên được phong nhiều đẳng cấp trong năm thì chỉ xét chế độ trợ cấp cho đẳng cấp cao nhất trong năm đó.

- Điều kiện tương quốc tế không có huy chương: là vận động viên được triệu tập đội tuyển quốc gia và được Cục Thể dục thể thao Việt Nam cử đại diện đội tuyển quốc gia Việt Nam tham dự thi đấu tại các Giải quốc tế (vô địch Đông Nam Á, SEA Games, vô địch châu Á, ASIAD, vô địch thế giới, Olympics).

- Thời gian hưởng chế độ: 12 tháng, tính từ tháng 01 đến hết tháng 12 năm liền kề của năm mà vận động viên được phong đẳng cấp.

## 1.2. Huấn luyện viên:

Giao Sở Văn hóa và Thể thao nghiên cứu ban hành khung tiêu chuẩn cấp bậc huấn luyện viên thể thao, thực hiện phong cấp và áp dụng chế độ theo quy định.

## 2. Mức chi

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

TT	Nội dung	Mức chi	Ghi chú
<b>Đối với vận động viên</b>			
1	Kiện tướng có huy chương quốc tế	9.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND
2	Kiện tướng không có huy chương quốc tế	7.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND. Đề xuất: Áp dụng cho các VĐV được triệu tập vào đội tuyển quốc gia tham dự Olympic, Asiad, Seagames.
3	Kiện tướng vô địch quốc gia hoặc lập kỷ lục quốc gia	4.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND
4	Kiện tướng huy chương vàng	1.500.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
5	Kiện tướng huy chương bạc	1.200.000	Áp dụng Nghị quyết số

			05/2022/NQ-HĐND
6	Kiến tướng huy chương đồng hoặc cấp 1 huy chương vàng	1.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
7	Kiến tướng không huy chương hoặc cấp 1 huy chương bạc	700.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
8	Cấp 1 huy chương đồng	600.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
9	Cấp 1 không huy chương	500.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
10	Cấp 2 có huy chương	400.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
11	Cấp 2 không huy chương	300.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
<b>Đối với huấn luyện viên</b>			
1	Huấn luyện viên đẳng cấp cao huấn luyện đội tuyển	16.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND
2	Huấn luyện viên đẳng cấp khá huấn luyện đội tuyển	7.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND
3	Huấn luyện viên đẳng cấp trung bình huấn luyện đội tuyển	2.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND

### 3.4. Đánh giá tác động chính sách

Theo số lượng HLV sau sáp nhập và nếu áp dụng theo khung tiêu chuẩn của Bình Dương thì số lượng HLV dự kiến đạt tiêu chuẩn HLV đẳng cấp cao khoảng 700/720 người ( $700 \text{ HLV} \times 16.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 134.400.000.000\text{đ}$ ). Tuy nhiên dự toán ngân sách sẽ giảm đáng kể nếu nghiên cứu áp dụng hệ thống tiêu chuẩn mới phù hợp với hệ thống đào tạo của Thành phố. Dự kiến nếu áp dụng tiêu chí mới theo thành tích HLV đạt được (phù hợp với hệ thống đào tạo hiện nay) thì dự kiến có 30% HLV đẳng cấp cao, 40 HLV đẳng cấp khá và 30% HLV đẳng cấp trung bình thì dự toán ngân sách sẽ chỉ còn tăng khoảng 68.8 tỷ.

## 4. Chính sách 4: Chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng

### 4.1. Xác định vấn đề bất cập

Chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng là một trong những chế độ đặc thù của ngành Thể dục thể thao Thành phố, được ban hành tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Chế độ

áp dụng đối với vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế có khen thưởng theo quy định (Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND). Trường hợp vận động viên của địa phương khác đạt thành tích các giải thể thao quốc tế (cấp độ châu Á trở lên), về tập luyện và thi đấu cho Thành phố, chế độ trợ cấp đăng cấp sẽ được hưởng 50% theo quy định (Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND).

Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương mỗi khu vực đều có hệ thống mức chi chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng và gần như giống nhau, chỉ có sự khác biệt là vận động viên đạt huy chương bạc ở các môn thể thao thuộc nhóm II tại các giải vô địch Đông Nam Á từng môn thì tại Thành phố Hồ Chí Minh được hưởng 7.500.000đ/người/tháng trong khi đó Bình Dương được hưởng 7.000.000đ/người/tháng. Ngoài ra Bình Dương trợ cấp cho vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc là 5.000.000đ/người/tháng trong khi Thành phố Hồ Chí Minh thì không có mức hỗ trợ này (Phụ lục 4).

#### **4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề.**

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng có mức hỗ trợ tốt nhất, đồng thời bổ sung những mức chi mà hệ thống được lựa chọn không có mà không làm ảnh hưởng đến tính hợp lý và ổn định của hệ thống.

#### **4.3. Giải pháp đề xuất**

Áp dụng hệ thống mức chi chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng của Thành phố Hồ Chí Minh đã được quy định tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND, đồng thời bổ sung một số mức chi tốt hơn của Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế có khen thưởng theo quy định. Trường hợp vận động viên của địa phương khác đạt thành tích các giải thể thao quốc tế (cấp độ châu Á trở lên), về tập luyện và thi đấu cho Thành phố, chế độ trợ cấp đăng cấp sẽ được hưởng 50% theo quy định.

2. Thời gian hưởng chế độ: từ tháng sau liền kề khi đạt thành tích đến hết thời gian hưởng chế độ theo quy định.

a) Đối với giải Đại hội thể thao thế giới (Olympic), giải Đại hội thể thao châu Á (ASIAD): thời gian hưởng chế độ là 48 tháng.

b) Đối với giải Đại hội thể thao quy mô thế giới, châu Á khác, Olympic trẻ và Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games): thời gian hưởng chế độ là 24 tháng.

c) Đối với giải vô địch thế giới, châu Á, Đông Nam Á từng môn: nhóm I, thời gian hưởng chế độ là 24 tháng; nhóm II và nhóm III, thời gian hưởng chế độ là 12 tháng.

d) Đối với giải Đại hội Thể thao toàn quốc thời gian hưởng chế độ là 48 tháng khi các vận động viên đạt được huy chương vàng.

đ) Trong thời gian hưởng chế độ trợ cấp, nếu vận động viên đạt thêm nhiều thành tích mới sẽ được xét duyệt hưởng chế độ với thành tích cao nhất. Hết thời gian hưởng chế độ cao nhất nếu còn thời gian hưởng cho việc đạt thành tích tại các giải khác, vận động viên tiếp tục được hưởng chế độ đối với giải khác theo nguyên tắc chọn thành tích cao nhất như trên.

### 3. Mức chi

Căn cứ theo danh sách phân nhóm môn (nhóm I, nhóm II, nhóm III) do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành và thời điểm vận động viên đạt thành tích, mức chi trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng sẽ áp dụng như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

TT	Giải thi đấu	Mức chi			Ghi chú
		HCV	HCB	HCD	
1	<b>Đại hội thể thao</b>				Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
	Đại hội Thể thao thế giới (Olympic)	40.000.000	25.000.000	20.000.000	
	Đại hội thể thao trẻ thế giới (Olympic trẻ)	25.000.000	15.000.000	12.000.000	
	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	30.000.000	20.000.000	13.000.000	
	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	12.500.000	8.500.000	7.000.000	
	Đại hội Thể thao toàn quốc	5.000.000	-	-	Áp dụng Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND
2	<b>Giải vô địch thế giới từng môn</b>				Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
	Nhóm I	30.000.000	23.000.000	18.000.000	
	Nhóm II	23.000.000	20.000.000	16.000.000	
	Nhóm III	20.000.000	18.000.000	15.000.000	
3	<b>Giải vô địch châu Á từng môn</b>				Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND
	Nhóm I	20.000.000	15.000.000	12.000.000	
	Nhóm II	17.000.000	13.000.000	11.000.000	
	Nhóm III	14.000.000	12.000.000	10.000.000	
4	<b>Giải vô địch Đông Nam Á từng môn</b>				

	Nhóm I	11.000.000	8.500.000	7.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND	
	Nhóm II	10.000.000	7.500.000	6.000.000		
	Nhóm III	8.000.000	6.500.000	5.000.000		
	<b>Đại hội thể thao khác</b>					
5	Đại hội thể thao quy mô thế giới khác	20.000.000	13.000.000	10.000.000	Áp dụng Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND	
	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác	14.000.000	12.000.000	10.000.000		

- Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thế giới, châu Á, Đông Nam Á; Đại hội thể thao quy mô châu Á, thế giới có quy định lứa tuổi được hưởng trợ cấp ưu đãi tài năng như sau:

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức hưởng bằng 40% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức hưởng bằng 50% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức hưởng bằng 60% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức hưởng bằng 70% mức hưởng tương ứng quy định tại khoản này.

#### 4. Điều kiện hưởng chế độ

a) Vận động viên sau khi đạt thành tích vẫn còn phục vụ cho ngành Thể dục thể thao Thành phố.

b) Vận động viên nghỉ thi đấu do chấn thương (chấn thương khi thực hiện nhiệm vụ).

c) Vận động viên hoàn thành nhiệm vụ.

d) Vận động viên được tuyển chọn vào hệ thống đào tạo ở môn thể thao nào sẽ chỉ được xét duyệt hỗ trợ chế độ trợ cấp ưu đãi tài năng ở môn đó.

#### 4.3. Đánh giá tác động

Theo kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh đặt chỉ tiêu đạt 170 huy chương vàng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc năm 2026. Kinh phí dự kiến phát sinh cho nội dung này là:  $170 \text{ VĐV} \times 5.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 10.200.000.000\text{đ}$ .

## **5. Chính sách 5. Chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài.**

### **5.1. Xác định vấn đề bất cập**

Chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài là một trong những chế độ đặc thù của ngành Thể dục thể thao Thành phố, được ban hành tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Mức chi tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND cao hơn và có quy định riêng đối với huấn luyện viên và vận động viên nữ (Phụ lục 5).

### **5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống mức chi chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài có mức hỗ trợ tốt nhất.

### **5.3. Giải pháp đề xuất:**

Áp dụng hệ thống mức chi chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài được quy định tại Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: huấn luyện viên, vận động viên được Sở Văn hóa và Thể thao triệu tập tham dự tập huấn và thi đấu tại nước ngoài.

2. Mức chi:

*Đơn vị tính: Đô la Mỹ/người/ngày*

TT	Nội dung	Mức chi	
		Nam	Nữ
1	Thời gian thi đấu giải quốc tế		
	- Huấn luyện viên	20	20
	- Vận động viên	20	20
2	Thời gian tập huấn không quá 30 ngày		
	- Huấn luyện viên	15	17
	- Vận động viên	12	14
3	Thời gian tập huấn trên 30 ngày nhưng tối đa không quá 180 ngày		

- Huấn luyện viên	10	12
- Vận động viên	8	10

#### **5.4. Đánh giá tác động**

Việc tham gia tập huấn và thi đấu tại nước ngoài hàng năm phụ thuộc vào kế hoạch và nguồn ngân sách được cấp. Việc sáp nhập 3 khu vực sẽ không làm thay đổi đáng kể kế hoạch tập huấn và thi đấu tại nước ngoài của các môn thể thao trọng điểm của Thành phố. Chính vì thế dự toán ngân sách cấp cho chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài thay đổi không đáng kể.

### **6. Chính sách 6: Chế độ khuyến khích đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố**

#### **6.1. Xác định vấn đề bất cập**

Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đều có hệ thống khen thưởng riêng phù hợp với kế hoạch phát triển ngành Thể dục thể thao của địa phương (Phụ lục 6).

Hệ thống chế độ khen thưởng tại các giải thể thao cấp thành phố, cấp huyện của Thành phố Hồ Chí Minh (cũ) không phân biệt nhóm môn với mục đích thúc đẩy sự phát triển đa dạng đối với phong trào thể thao cho mọi người và có mức chi cao hơn 2 khu vực còn lại.

#### **6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Thành phố Hồ Chí Minh với gần 60 môn thể thao đang được người dân tham gia tập luyện và thi đấu thì cần có một hệ thống chế độ khuyến khích cấp thành phố và cấp xã thống nhất nhằm thúc đẩy sự phát triển đa dạng các loại hình tập luyện, các môn thể thao trong quần chúng nhân dân.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống chế độ khuyến khích cấp thành phố và cấp xã thống nhất vì mục đích thúc đẩy sự đa dạng của các môn thể thao cũng như tính ổn định khi áp dụng hệ thống chế độ được đề xuất.

#### **6.3. Giải pháp đề xuất**

Đề xuất áp dụng hệ thống chế độ khuyến khích đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố, cấp xã theo quy định tại Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Mức chi đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức chi</b>
<b>I</b>	<b>Môn cá nhân</b>		
	1. Giải cá nhân		
	a) Vô địch, Đại hội Thể thao		
	- HC vàng (nhất)	HC/người	3.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	2.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	1.000.000
	b) Trẻ		
	- HC vàng (nhất)	HC/người	1.500.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	1.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	600.000
	c) Học sinh, năng khiếu, HKPĐ		
	- HC vàng (nhất)	HC/người	1.200.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	600.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	400.000
	2. Giải đồng đội, tiếp sức, đôi		
	a) Vô địch, Đại hội Thể thao		
	- HC vàng (nhất)	HC/đội	6.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/đội	3.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/đội	2.000.000
	b) Trẻ		
	- HC vàng (nhất)	HC/đội	3.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/đội	2.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/đội	1.000.000
	c) Học sinh, năng khiếu, HKPĐ		
	- HC vàng (nhất)	HC/đội	2.500.000
	- HC bạc (nhì)	HC/đội	1.500.000

	- HC đồng (ba)	HC/đội	800.000
	<b>3. Giải toàn đoàn</b>		
	<b>a) Vô địch, Đại hội Thể thao</b>		
	- Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	4.000.000
	- Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	3.000.000
	- Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	2.000.000
	<b>b) Trẻ</b>		
	- Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	3.000.000
	- Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	2.000.000
	- Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	1.500.000
	<b>c) Học sinh, năng khiếu, HKPD</b>		
	- Giải nhất + 1 cờ	HC/đoàn	2.500.000
	- Giải nhì + 1 cờ	HC/đoàn	1.500.000
	- Giải ba + 1 cờ	HC/đoàn	1.000.000
<b>II</b>	<b>Môn tập thể</b>		
	<b>1. Vô địch, Đại hội Thể thao</b>		
	- HC vàng (nhất) + 1 cờ	HC/đội	30.000.000
	- HC bạc (nhì) + 1 cờ	HC/đội	15.000.000
	- HC đồng (ba) + 1 cờ	HC/đội	10.000.000
	<b>2. Trẻ</b>		
	- HC vàng (nhất) + 1 cờ	HC/đội	15.000.000
	- HC bạc (nhì) + 1 cờ	HC/đội	10.000.000
	- HC đồng (ba) + 1 cờ	HC/đội	6.000.000
	<b>3. Học sinh, năng khiếu, HKPD</b>		
	- HC vàng (nhất) + 1 cờ	HC/đội	10.000.000
	- HC bạc (nhì) + 1 cờ	HC/đội	8.000.000
	- HC đồng (ba) + 1 cờ	HC/đội	5.000.000

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, các giải thể thao phong trào cấp thành phố và cấp xã thực hiện chi chế độ bằng với mức quy định tương ứng tại khoản 1 Điều này, nguồn chi từ ngân sách cấp Thành phố và cấp xã.

## **6.4. Đánh giá tác động**

Việc sáp nhập 3 khu vực không làm ảnh hưởng đến hệ thống giải của Thành phố Hồ Chí Minh, chính vì thế ngân sách cấp cho việc tổ chức, khen thưởng cho các vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố thay đổi không đáng kể.

Đối với cấp xã, hệ thống giải sẽ phụ thuộc vào nhu cầu và được cân đối từ nguồn ngân sách được cấp hàng năm.

## **7. Chính sách 7: Chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc)**

### **7.1. Xác định vấn đề bất cập**

Hệ thống chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia của mỗi khu vực cũng khác nhau căn cứ theo định hướng phát triển ngành thể dục thể thao của khu vực đó. Thành phố Hồ Chí Minh có mức chi thấp hơn tỉnh Bình Dương ở một số giải và ngược lại. Điểm nổi trội của Thành phố Hồ Chí Minh là có quy định mức chi cho VĐV nữ (tăng 10% so với VĐV nam) và mức chi cho VĐV khuyết tật bằng với VĐV bình thường. Tỉnh Bình Dương có mức chi cao hơn Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chỉ tập trung ở một số môn trọng điểm của tỉnh (những môn còn lại thì mức chi thấp hơn) (Phụ lục 7).

### **7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Thành phố Hồ Chí Minh sau sáp nhập có dân số gần 14 triệu người. Với quy mô dân số đông, Thành phố cần có một hệ thống các môn thể thao đa dạng và phong phú để người dân có thể dễ dàng tiếp cận tham gia tập luyện thường xuyên rèn luyện sức khỏe. Bên cạnh đó chính sách xã hội hóa thể dục thể thao cũng đã, đang và sẽ tiếp tục góp phần thúc đẩy sự tham gia của xã hội trong việc hình thành các đội tuyển thể thao (bằng nguồn kinh phí xã hội hóa) đại diện Thành phố tham dự các giải quốc gia và quốc tế. Một hệ thống chế độ khuyến khích bình đẳng giữa các môn thể thao sẽ góp phần thúc đẩy tất cả các môn thể thao cùng phát triển.

Trong những năm qua Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung đầu tư 22 môn thể thao trọng điểm được phân chia theo cấp độ mục tiêu Olympic, Asiad, Đông Nam Á. Thành phố đầu tư trọng điểm theo hướng xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn, thi đấu nước ngoài và tỷ trọng ngân sách tập trung cho môn thể thao có mục tiêu trọng điểm cao hơn chứ không theo hướng khen thưởng cao hơn đối với các môn thể thao trọng điểm như chính sách của Bình Dương.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận

động viên xuất sắc) bình đẳng nhằm thúc đẩy các môn thể thao phát triển và đảm bảo sự ổn định của ngành Thể dục thể thao Thành phố.

### 7.3. Giải pháp đề xuất:

Áp dụng mức chi Chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc) theo quy định tại Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương nhưng không áp dụng đối với hệ thống 23 môn thể thao trọng điểm mà áp dụng cho toàn bộ hệ thống đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Mức chi đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải có trong hệ thống thi đấu của quốc gia như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			VĐV nam	VĐV nữ
<b>I</b>	<b>Môn cá nhân</b>			
	<b>1. Giải cá nhân</b>			
	<b>a) Vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	20.000.000	22.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	12.000.000	13.200.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	8.000.000	8.800.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	8.000.000	8.800.000
	<b>b) Trẻ (từ 18 - dưới 21 tuổi)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	10.000.000	11.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	6.000.000	6.600.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	4.000.000	4.400.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	3.000.000	3.300.000
	<b>c) Trẻ (từ 16 - dưới 18 tuổi)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	8.000.000	8.800.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	4.800.000	5.280.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	3.200.000	3.520.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	2.400.000	2.700.000

	<b>d) Thiếu niên (từ 12 - dưới 16 tuổi)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	6.000.000	6.600.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	3.600.000	3.960.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	2.400.000	2.620.000
	<b>đ) Thiếu nhi (dưới 12 tuổi)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	4.000.000	4.400.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	2.400.000	2.620.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	1.600.000	1.760.000
	<b>2. Giải đồng đội, tiếp sức, đôi:</b> Mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức chi giải cá nhân tương ứng.			
<b>II</b>	<b>Môn tập thể:</b> Mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức chi giải cá nhân tương ứng.			
Nội dung thi đấu có nam và nữ (đồng đội, đôi, tiếp sức, tập thể): mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức chi tương ứng giải cá nhân nữ.				
Vận động viên thể thao người khuyết tật: mức chi bằng mức chi vận động viên bình thường.				

2. Mức chi đối với vận động viên đạt thành tích tại giải Đại hội thể dục thể thao toàn quốc như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			VĐV nam	VĐV nữ
<b>I</b>	<b>Môn cá nhân</b>			
1	Giải cá nhân			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	58.500.000	64.350.000

	- HC bạc (nhì)	HC/người	32.760.000	36.036.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	25.740.000	28.314.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	16.380.000	18.018.000
2	Giải đồng đội, tiếp sức, đôi: Mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ Đại hội) nhân với mức chi giải cá nhân tương ứng.			
<b>II</b>	<b>Môn tập thể:</b> Mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức chi giải cá nhân tương ứng.			
Nội dung thi đấu có nam và nữ (đồng đội, đôi, tiếp sức, tập thể): mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức chi tương ứng giải cá nhân nữ.				

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại giải đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia trên được hưởng chế độ như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng bằng mức chi đối với vận động viên.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể, đồng đội, đôi, tiếp sức thì được hưởng mức chung bằng mức hưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: trường hợp dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 01 huấn luyện viên; trường hợp từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 02 huấn luyện viên; trường hợp từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 03 huấn luyện viên; trường hợp từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 04 huấn luyện viên; trường hợp trên 15 vận động viên tham gia thi đấu thì tính cho 05 huấn luyện viên.

c) Tỷ lệ phân chia khoản chi chế độ đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

4. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức chi cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được hưởng nhân với 50% mức chi tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

#### **7.4. Đánh giá tác động**

Việc sáp nhập 3 khu vực không làm ảnh hưởng đến hệ thống giải thi đấu cấp quốc gia. Thành tích của thể thao Thành phố nếu duy trì được lực lượng tốt nhất như hiện nay của cả 3 khu vực thì dự báo có thể tăng từ 20 đến 30% số lượng huy chương cấp quốc gia. Bên cạnh đó mức chi chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc) nếu được áp dụng theo đề xuất thì dự toán cho việc chi chế độ này có khả năng tăng từ 30 đến 40%.

### **8. Chính sách 8: Chế độ khuyến khích dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế**

#### **8.1. Xác định vấn đề bất cập**

Hệ thống mức chi chế độ khuyến khích dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế ở cả 3 khu vực đều có mức tương đồng, tuy nhiên hệ thống mức chi của khu vực Thành phố Hồ Chí Minh nổi trội hơn ở khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh đó Thành phố có quy định mức cho vận động viên khuyết tật bằng với vận động viên bình thường và mức chi tăng 10% cho vận động viên nữ. Đây là những điểm nổi trội mà hệ thống mức chi của khu vực Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu không có.

Mức chi không tương đồng và có sự khác biệt ở 3 khu vực trong 1 đơn vị hành chính sẽ tạo tâm lý bất an, không bình đẳng giữa các lực lượng huấn luyện viên, vận động viên thể thao Thành phố khi hợp nhất. Đây là một trong những nguy cơ có thể dẫn đến tình trạng chảy máu tài năng.

#### **8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất Hội đồng nhân dân Thành phố lựa chọn hệ thống chế độ khuyến khích dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế nổi trội nhất của 3 khu vực.

#### **8.3. Giải pháp đề xuất**

Áp dụng chế độ khuyến khích dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế theo quy định tại Nghị Quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thực hiện mức chi cho VĐV đạt suất chính thức tham dự Olympic và Paralympic theo định tại Nghị quyết 41/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Mức chi đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp quốc tế như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Giải thi đấu	Đơn vị tính	Mức chi	
			VĐV Nam	VĐV nữ
<b>I</b>	<b>Đại hội thể thao</b>			
1	<b>Đại hội thể thao thế giới (Olympic) và Đại hội thể thao Người khuyết tật thế giới (Paralympic)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	350.000.000	385.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	220.000.000	242.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	140.000.000	154.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	140.000.000	154.000.000
	- Đạt suất chính thức tham dự Olympic và Paralympic	Lần/người	175.000.000	193.000.000
2	<b>Đại hội thể thao thế giới trẻ (Olympic trẻ) và Đại hội thể thao Người khuyết tật thế giới trẻ (Paralympic trẻ)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	80.000.000	88.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	50.000.000	55.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	30.000.000	33.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	30.000.000	33.000.000
3	<b>Đại hội thể thao châu Á (ASIAD) và Đại hội thể thao Người khuyết tật châu Á (ASIAN ParaGames)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	140.000.000	154.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	85.000.000	93.500.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	55.000.000	60.500.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	55.000.000	60.500.000
4	<b>Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games) và Đại hội thể thao Người khuyết tật Đông Nam Á (ASEAN ParaGames)</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	52.000.000	58.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	29.000.000	32.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	23.000.000	25.500.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	23.000.000	25.500.000

<b>II</b>	<b>Giải vô địch thế giới từng môn (thể thao thành tích cao và thể thao Người khuyết tật)</b>			
1	<b>Nhóm I</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	175.000.000	193.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	110.000.000	121.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	70.000.000	77.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	70.000.000	77.000.000
2	<b>Nhóm II</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	70.000.000	77.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	40.000.000	44.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	30.000.000	33.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	30.000.000	33.000.000
3	<b>Nhóm III</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	45.000.000	49.500.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	25.000.000	27.500.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	20.000.000	22.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	20.000.000	22.000.000
<b>III</b>	<b>Giải vô địch châu Á từng môn (thể thao thành tích cao và thể thao Người khuyết tật)</b>			
1	<b>Nhóm I</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	70.000.000	77.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	40.000.000	44.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	30.000.000	33.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	30.000.000	33.000.000
2	<b>Nhóm II</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	58.000.000	64.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	29.000.000	32.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	23.000.000	25.500.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	23.000.000	25.500.000
3	<b>Nhóm III</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	30.000.000	33.000.000

	- HC bạc (nhì)	HC/người	15.000.000	16.500.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	10.000.000	11.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	10.000.000	11.000.000
<b>IV</b>	<b>Giải vô địch Đông Nam Á từng môn (thể thao thành tích cao và thể thao Người khuyết tật)</b>			
<b>1</b>	<b>Nhóm I</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	46.000.000	51.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	23.000.000	25.500.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	18.000.000	20.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	20.000.000	22.000.000
<b>2</b>	<b>Nhóm II</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	35.000.000	38.500.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	18.000.000	20.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	12.000.000	13.500.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	12.000.000	13.500.000
<b>3</b>	<b>Nhóm III</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	20.000.000	22.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	12.000.000	13.500.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	8.000.000	9.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	8.000.000	9.000.000
<b>V</b>	<b>Đại hội thể thao khác (thể thao thành tích cao)</b>			
<b>1</b>	<b>Đại hội thể thao quy mô thế giới khác</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	70.000.000	77.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	40.000.000	44.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	30.000.000	33.000.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	30.000.000	33.000.000
<b>2</b>	<b>Đại hội thể thao quy mô châu Á khác</b>			
	- HC vàng (nhất)	HC/người	58.000.000	64.000.000
	- HC bạc (nhì)	HC/người	29.000.000	32.000.000
	- HC đồng (ba)	HC/người	23.000.000	25.500.000
	- Phá kỷ lục	Lần/người	23.000.000	25.500.000

VI	<b>Chế độ khuyến khích khác</b>	
1	Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thể giới, cúp châu Á và cúp Đông Nam Á, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới, các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á: mức chi bằng 50% mức quy định tại giải tương ứng.	
2	Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi:	
	- Dưới 12 tuổi	Mức chi bằng 20% mức quy định tại giải tương ứng
	- Từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi	Mức hưởng bằng 30% mức quy định tại giải tương ứng
	- Từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi	Mức hưởng bằng 40% mức quy định tại giải tương ứng
- Từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi	Mức hưởng bằng 50% mức quy định tại giải tương ứng	
3	Vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thể giới, châu Á, Đông Nam Á: mức chi bằng 30% mức quy định tại giải tương ứng	
4	Vận động viên lập thành tích trong các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, đôi, tiếp sức, tập thể: mức chi bằng số vận động viên được hưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức quy định tại giải tương ứng	
5	Vận động viên lập thành tích tại các đại hội thể thao vô địch trẻ Người khuyết tật châu Á, Đông Nam Á, giải vô địch trẻ Người khuyết tật thể giới, châu Á, Đông Nam Á: mức chi bằng 50% mức quy định tại giải tương ứng	
6	Nội dung thi đấu có nam và nữ (đồng đội, đôi, tiếp sức, tập thể): mức chi bằng số vận động viên được thưởng (theo quy định của Điều lệ giải) nhân với mức quy định tại giải tương ứng	

1. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế được hưởng chế độ theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy định này.

3. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức chi cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được hưởng nhân với 50% mức chi tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

#### **8.4. Đánh giá tác động**

Dự kiến dự toán chi ngân sách Thành phố không biến động đáng kể so với hiện nay trong trường hợp Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua Nghị quyết điều áp dụng theo đề xuất trên.

### III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sở Văn hóa và Thể thao dự kiến dự toán chi ngân sách Thành phố **tăng khoảng 110 tỷ đồng** so với tổng kinh phí của cả 3 khu vực cho 8 chính sách (480 tỷ), cụ thể:

Chính sách	Nội dung	Dự toán ngân sách tăng khi HĐND TP thông qua
1	Chế độ dinh dưỡng	56 tỷ đồng (19%)
2	Chế độ trợ cấp trách nhiệm thường xuyên	17%
3	Chế độ trợ cấp đẳng cấp	68.8 tỷ
4	Chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng	10.2 tỷ
5	Chế độ hỗ trợ tiền tiêu vật đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn, thi đấu tại nước ngoài.	Không đáng kể
6	Chế độ khuyến khích đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp thành phố	Không đáng kể
7	Chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc)	30%
8	Chế độ khuyến khích dành cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao tại các giải thể thao cấp quốc tế	Không đáng kể

Nhìn chung một số chế độ có mức chi ngân sách tăng không đáng kể do khi sáp nhập hệ thống giải thi đấu không thay đổi, thành tích của một số vận động viên của 3 khu vực ở một số nội dung trước khi sáp nhập là đối đầu trực tiếp nên trên thực tế thành tích của 3 khu vực không phải là việc cộng thành tích một cách cơ học. Có 3 chế độ được áp dụng từ mức chi tốt nhất của khu vực Bình Dương nên có sự tăng đáng kể về ngân sách là chế độ trợ cấp đẳng cấp (cho huấn luyện viên), chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng (cho vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc) và mức chi chế độ khuyến khích đối với huấn luyện viên, vận động viên tại các giải thể thao cấp quốc gia (vô địch, cúp, đội mạnh, câu lạc bộ, nhóm vận động viên xuất sắc). Theo biên độ dao động, đa số các mức chi tăng dao động từ 20 đến 30%.

Dự kiến tổng chi ngân sách của 3 khu vực đối với chế độ dinh dưỡng và các chế độ khác như sau:

Stt	Nội dung	Thành phố Hồ Chí Minh	Bình Dương	Bà Rịa – Vũng Tàu	Tổng cộng
1	Chế độ dinh dưỡng	214 tỷ	49.5 tỷ	31.8 tỷ	295.3 tỷ
2	Chế độ khác (tài năng, khuyến khích, đẳng cấp, trợ cấp trách nhiệm thường xuyên...)	140 tỷ	20 tỷ	25 tỷ	185 tỷ
<b>Tổng cộng</b>		<b>354 tỷ</b>	<b>69.5 tỷ</b>	<b>56.8 tỷ</b>	<b>480.3 tỷ</b>

Nếu tính trung bình tăng giao động là 20% của tổng chi ngân sách năm 2025 là 480.3 tỷ thì dự kiến dự toán chi ngân sách Thành phố **tăng khoảng 96 tỷ đồng** (chưa tính tăng dự toán của chế độ trợ cấp đẳng cấp cho huấn luyện viên (68.8 tỷ) và chế độ trợ cấp ưu đãi vận động viên tài năng cho vận động viên đạt huy chương vàng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc (10 tỷ) do đây là nội dung áp dụng theo mức chi của Bình Dương)).

Ngân sách Thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ đối với các đối tượng do Thành phố quản lý; ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ đối với các đối tượng do cấp xã quản lý.

Ngoài ra Thành phố khuyến khích các Liên đoàn, Hiệp hội Thể thao, các đơn vị quản lý huấn luyện viên, vận động viên và các tổ chức liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm các chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên và lực lượng thể thao khác của Thành phố Hồ Chí Minh.

#### IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, đánh giá việc thực hiện chính sách, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng Nhân dân Thành phố điều chỉnh, bổ sung các chế độ, chính sách cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động đối với dự thảo Nghị quyết quy định về một số chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao Thành phố Hồ Chí Minh./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Lưu: VT, (H).

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Thế Thuận**

